TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1992; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1989; HKTT: Ấp Q, xã E, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 25/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà Trần Thị H) trình bày:***

Bà Trần Thị H và ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 12/11/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã E,

huyện C, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; ông C ham chơi, cờ bạc, không chịu lo đi làm để phụ giúp gia đình nên đời sống kinh tế gia đình ngày càng khó khăn; ông C hay chửi vợ con làm đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 06/2021 cho đến nay. Vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà H và ông C có 01 con chung tên Trần Thị Thảo M, sinh này 26/8/2013. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà H đang làm nghề cạo mủ cao su thuê cho tư nhân với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 06/01/2022, bị đơn (ông Trần Văn C) trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C thống nhất ý kiến với bà H về việc kết hôn và con chung. Ông C và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bình Dương. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông C đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống ông C và bà H có 01 con chung tên Trần Thị Thảo M, sinh này 26/8/2013. Ông C đồng ý giao con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 25/6/2021, bà Trần Thị H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Trần Văn C nên đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bà H khởi kiện ông C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông C hiện đang cư trú tại ấp Q, xã E, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông C theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển 02/2012 ngày 12/11/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Sau khi đăng ký kết hôn năm 2012 vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; ông C ham chơi, cờ bạc, không chịu lo đi làm để phụ giúp gia đình làm cho đời sống kinh tế gia đình ngày càng khó khăn; ông C hay chửi vợ con làm đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 06/2021 cho đến nay. Vì vậy, bà H làm đơn ly hôn với ông C. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông C đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C không đạt được những điều đó, hai vợ chồng đã không sống chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H kiên quyết xin ly hôn và ông C đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, bà H và ông C thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thị Thảo M, sinh này 26/8/2013. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu

ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông C đồng ý để bà H nuôi con và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Do các đương sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Trần Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thảo M, sinh này 26/8/2013 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không thanh toán số tiền trên, thì ông C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Bà Trần Thị H và ông Trần Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của

người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0006780 ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã E, huyện C, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Quang Bảo